



BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ
VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ CÔNG NĂM 2026

*(Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 27/02/2026 của
Thủ tướng Chính phủ)*



BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU

Bối cảnh & Căn cứ



- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều yếu tố không chắc chắn, căng thẳng địa chính trị tiếp tục kéo dài, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo chậm hơn những năm trước.
- Việt Nam bắt đầu chu kỳ 5 năm (2026-2030) với nhu cầu vốn lớn cho đầu tư hạ tầng đột phá.



- Tuân thủ Luật Quản lý nợ công 2017 (sửa đổi 2025);
- Các Nghị quyết phê duyệt dự toán NSNN năm 2026.

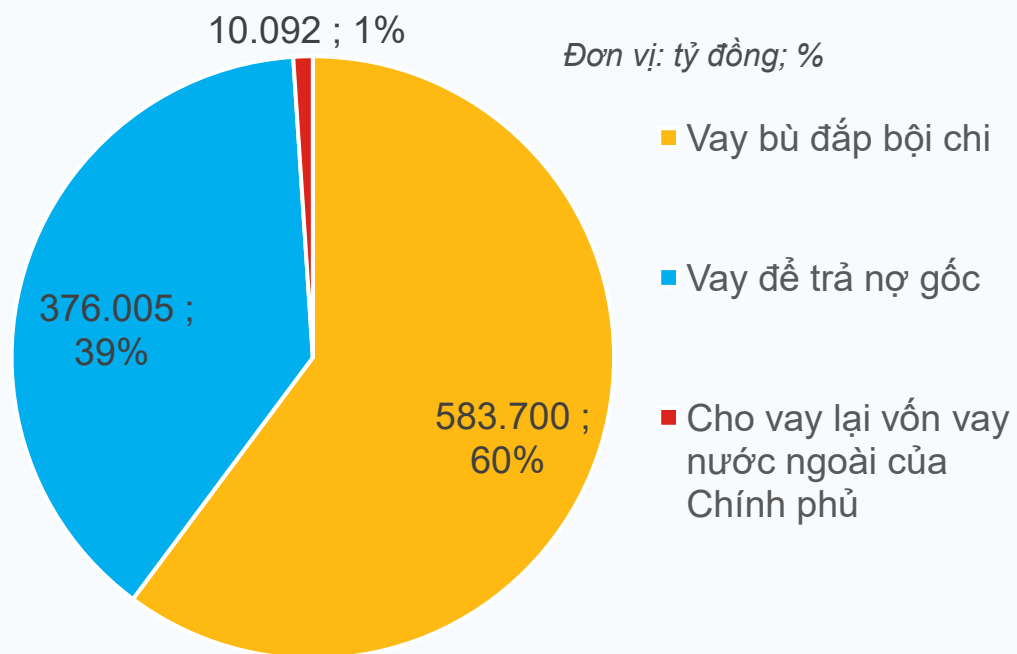
Mục tiêu quản lý nợ

- ✓ Huy động đủ vốn với chi phí hợp lý, rủi ro có thể chấp nhận được.
- ✓ Trả nợ đầy đủ, đúng hạn.
- ✓ Kiểm soát an toàn nợ.
- ✓ Tối ưu hoá danh mục nợ.
- ✓ Phát triển thị trường vốn trong nước.

KẾ HOẠCH VAY CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2026

TỔNG MỨC HUY ĐỘNG

969.796 tỷ đồng



Nguồn huy động

- ✓ Phát hành trái phiếu Chính phủ.
- ✓ Vay ODA, ưu đãi nước ngoài
- ✓ Phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường quốc tế; các nguồn tài chính hợp pháp khác

KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2026

KHỐI LƯỢNG DỰ KIẾN

500.000
tỷ đồng



Phương thức & Địa điểm

- ✓ **Địa điểm:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- ✓ **Phương thức:** Tổ chức đấu thầu điện tử.
- ✓ **Cơ quan thực hiện:** Kho bạc Nhà nước.



Hình thức Đấu thầu

- ✓ Kết hợp giữa cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

Giới hạn khối lượng không cạnh tranh lãi suất

30%

Tổng khối lượng trái phiếu gọi thầu trong phiên đấu thầu



Xác định kết quả

ĐẤU THẦU ĐƠN GIÁ



Đối tượng tham gia

- ✓ **Nhà tạo lập thị trường:** Trực tiếp tham gia đấu thầu.
- ✓ **Các đối tượng khác:** Mua TPCP thông qua các Nhà tạo lập thị trường.

LỊCH BIỂU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2026

Khối lượng phát hành

500 nghìn tỷ đồng

QUÝ I
THÁNG 1
07 14 21 28
THÁNG 2
04 11 25
THÁNG 3
04 11 18 25

QUÝ II
THÁNG 4
01 08 15 22 28
THÁNG 5
06 13 20 27
THÁNG 6
03 10 17 24

QUÝ III
THÁNG 7
01 08 15 22 29
THÁNG 8
05 12 19 26
THÁNG 9
03 09 16 23 30

QUÝ IV
THÁNG 10
07 14 21 28
THÁNG 11
04 11 18 25
THÁNG 12
02 09 16 23 30

* KBNN có thể điều chỉnh ngày phát hành khi cần thiết.

NGHĨA VỤ TRẢ NỢ CHÍNH PHỦ NĂM 2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi & phí	Tổng cộng
1. Nghĩa vụ nợ trực tiếp của Chính phủ	376.005	117.400	493.405
- Nợ trong nước (Trái phiếu Chính phủ, Ngân quỹ nhà nước, khác)	321.722	107.920	429.642
- Nợ nước ngoài (Vay ODA, ưu đãi, Trái phiếu quốc tế)	54.283	9.480	63.763
2. Nghĩa vụ nợ vay ODA, ưu đãi nước ngoài về cho vay lại	30.160	11.174	41.334
TỔNG NGHĨA VỤ TRẢ NỢ (1+2)	406.165	128.574	534.739

Ghi chú: Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ: nguồn trả lãi được đảm bảo từ dự toán chi ngân sách, nguồn trả nợ gốc được huy động từ vay mới và các nguồn khác (nếu có).

NỢ CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH VÀ NỢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

Nợ được Chính phủ Bảo lãnh



Ngân hàng Phát triển Việt Nam: hạn mức bảo lãnh tối đa là **2.910** tỷ đồng, bằng mức trả nợ gốc đến hạn



Ngân hàng Chính sách xã hội: hạn mức bảo lãnh tối đa là **251** tỷ đồng. Trả nợ gốc dự kiến **790** tỷ đồng.



Bảo lãnh cho doanh nghiệp vay trong nước và ngoài nước: không có nhu cầu rút vốn. Trả nợ gốc dự kiến **17.156** tỷ đồng.

Nợ Chính quyền địa phương



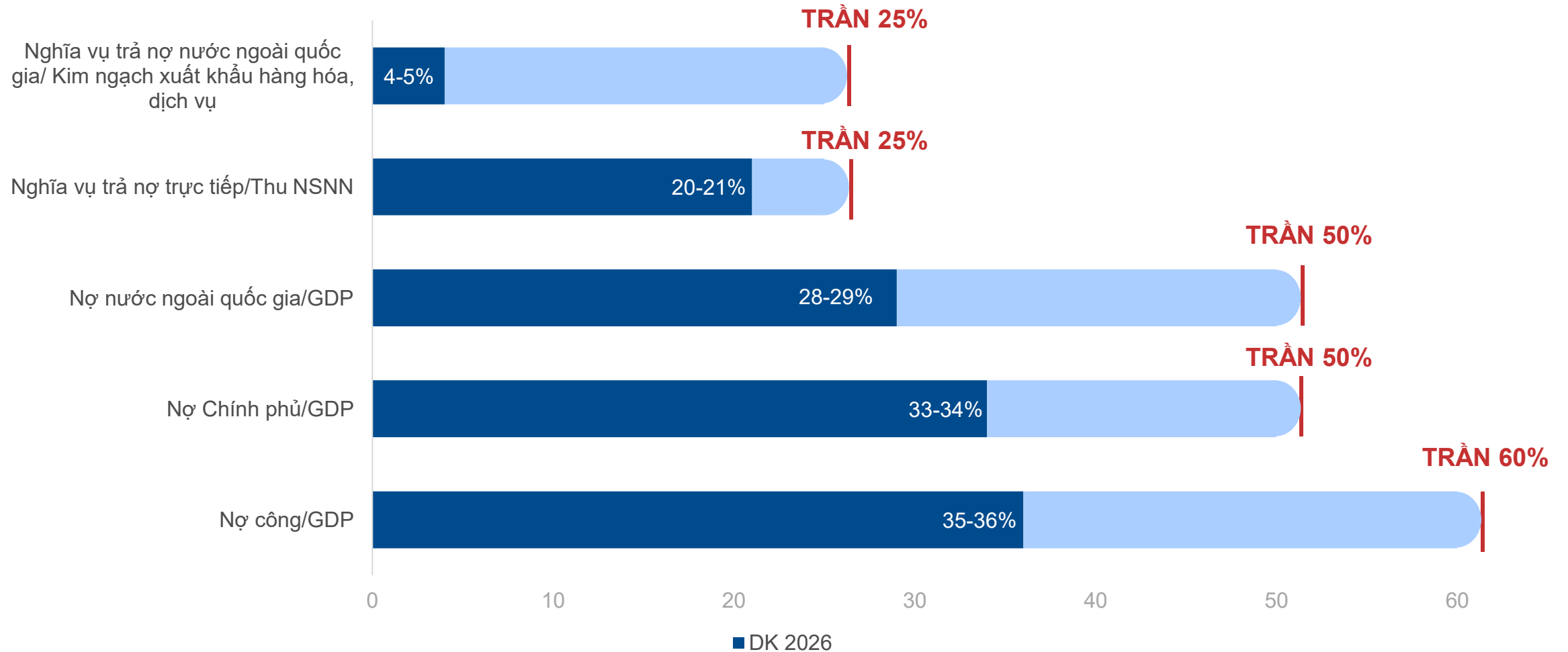
Tổng vay **26.079** tỷ đồng



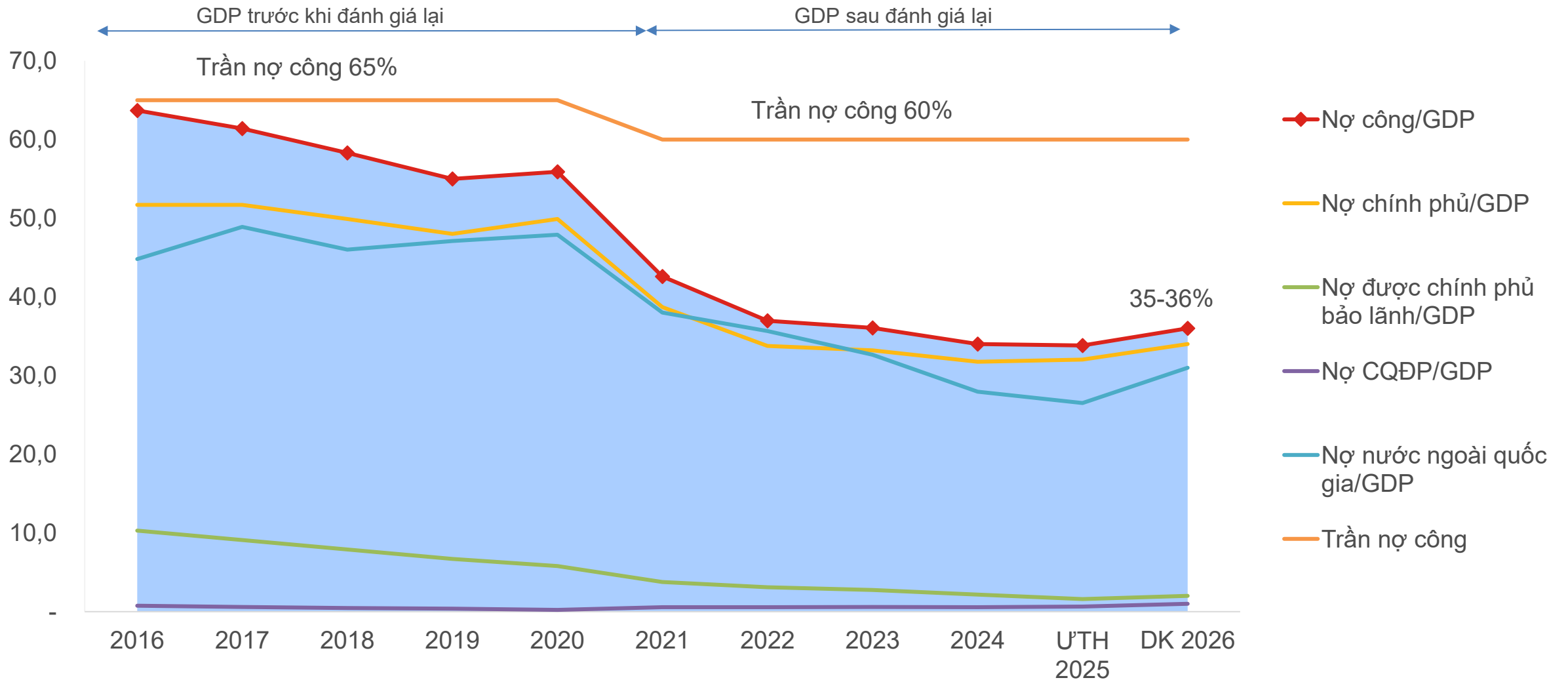
Tổng trả nợ gốc **3.979** tỷ đồng

Ghi chú: Hạn mức phát hành trái phiếu cụ thể của hai ngân hàng chính sách sẽ được rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN NỢ CÔNG NĂM 2026



DIỄN BIẾN CÁC CHỈ TIÊU NỢ CÔNG



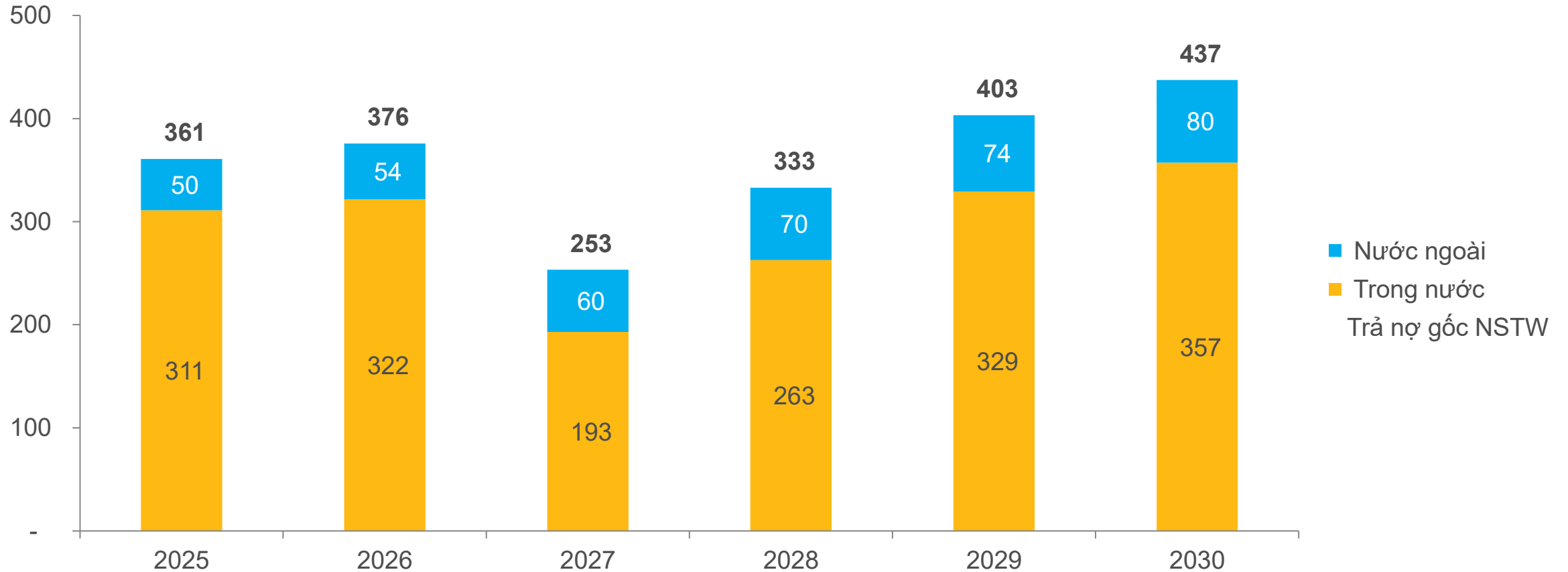
ĐẶC ĐIỂM CHI PHÍ - RỦI RO DANH MỤC NỢ CHÍNH PHỦ

Đơn vị: %

Chỉ tiêu đánh giá rủi ro		Nợ nước ngoài	Nợ trong nước	Tổng nợ Chính phủ
Chi phí vay vốn	Nghĩa vụ trả lãi so GDP (%)	0,2	0,8	1,0
	Lãi suất bình quân gia quyền của danh mục nợ (%)	2,11	3,44	3,10
Rủi ro đảo nợ	Kỳ hạn đáo hạn bình quân (Average Time to Maturity - ATM) (năm)	9,2	9,0	9,1
	Tỷ lệ nợ đáo hạn trong vòng 1 năm (% dư nợ)	6,2	4,4	5,1
Rủi ro lãi suất	Thời gian thay đổi lãi suất bình quân (Average Time to Re-fixing - ATR) (năm)	8,3	9,0	8,7
	Tỷ lệ nợ thay đổi lãi suất trong vòng 1 năm (% dư nợ)	18,5	4,4	10,2
	Nợ với lãi suất cố định (% dư nợ)	87,0	100,0	94,7
Rủi ro tỷ giá	Nợ bằng ngoại tệ (% dư nợ)			25,6

LỘ TRÌNH TRẢ NỢ GỐC TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Ghi chú: Chỉ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc trực tiếp của Chính phủ phát sinh từ các khoản vay đã ký kết, khoản TPCP đã phát hành. Không bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc của các khoản vay lại các khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ)



BỘ TÀI CHÍNH

CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Số 6 - 8 Phan Huy Chú, Hà Nội

Email: kinhtedoingoi@mof.gov.vn